

Phụ lục
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN
ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYÊN ĐỔI SỐ
(Kèm theo Báo cáo 919 /BC-SKHCN ngày 15/5/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi)

I. Đặc điểm tình hình

1. Nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

STT	Năm thống kê	Tổng số nhân lực KH&CN	Nữ	Chia theo hạng chức danh				Chia theo trình độ chuyên môn					Chia theo độ tuổi				
				NCVCC (hạng I) và TĐ	NCVC (hạng II) và TĐ	NCV (hạng III) và TĐ	TLNC (hạng IV) và TĐ	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	2020	54	26	1	10	28	5	1	12	18	5		1	28	16	9	
2	2021	56	27	1	14	25	4	2	13	20	4		1	27	18	10	
3	2022	55	27	1	14	26	3	2	14	19	3			29	18	10	
4	2023	55	27	1	14	26	3	3	14	19	2		1	27	20	9	
5	2024	56	27	1	14	25	4	3	15	19	2		1	27	19	9	

2. Nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số

STT	Năm thống kê	Tổng số nhân lực CNTT, CBS	Nữ	Chia theo hạng chức danh				Chia theo trình độ chuyên môn					Chia theo độ tuổi				
				CNTT (hạng I) và TĐ	CNTT (hạng II) và TĐ	CNTT (hạng III) và TĐ	CNTT (hạng IV) và TĐ	Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1	2020	38	12		3	35			7	31			7	21	7	3	
2	2021	39	12		4	35			7	32			7	22	7	3	
3	2022	41	13		5	36			8	33			8	22	8	3	
4	2023	41	13		5	36			8	33			8	22	8	3	
5	2024	44	15		8	34			10	34			10	23	8	2	

II. Kết quả triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số

STT	Nội dung triển khai	Số lượng, kết quả đạt được					Tổng (3)+(4)+(5)+(6)+(7)	Ghi chú
		2020	2021	2022	2023	2024		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kết quả thực hiện tuyển dụng đặc cách							
2	Kết quả bố trí, sử dụng cán bộ							
2.1	Giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (người)	2	5	2	2	0		
2.2	Bố trí, quy hoạch vị trí lãnh đạo trong tổ chức (người)							
3	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số							
3.1	Hỗ trợ kinh phí bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ (triệu đồng)	755	710				1465	Chi phí hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu
3.2	Đầu tư đổi mới phương tiện, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm của tổ chức khoa học và công nghệ (triệu đồng)							
3.3	Kết quả hỗ trợ nhân lực khoa học, công nghệ, chuyển đổi số tham gia hội thảo khoa học trong							

STT	Nội dung triển khai	Số lượng, kết quả đạt được					Tổng (3)+(4)+(5)+(6)+(7)	Ghi chú
		2020	2021	2022	2023	2024		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	nước, quốc tế tham gia các chương trình, dự án đầu tư, hợp tác khoa học và công nghệ, chuyển đổi số... (triệu đồng)							
4	Kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ theo Nghị định số 40/2014/NĐ-CP, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP							
4.1	Về nâng lương vượt bậc (người)							
4.2	Về đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác (người)							
4.3	Về kéo dài thời gian công tác khi đến tuổi nghỉ chế độ (người)							
4.4	Về Nhà khoa học đầu ngành (người)							
4.5	Về Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng (người)							
4.6	Về Nhà khoa học trẻ tài năng (người)							
4.7	Về kết quả thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng đối với nhân lực khoa học và công nghệ (đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ; đào tạo theo nhóm							

STT	Nội dung triển khai	Số lượng, kết quả đạt được					Tổng (3)+(4)+(5)+(6)+(7)	Ghi chú
		2020	2021	2022	2023	2024		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	nghiên cứu...); đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số							
	Nâng cao trình độ chuyên môn (người)							
	Kỹ năng quản lý khoa học và công nghệ (người)							
	Đào tạo theo nhóm nghiên cứu (người)							
5	Kết quả thực hiện chính sách thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, công nghệ thông tin, chuyển đổi số là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số tại Việt Nam theo Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014, Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 và Thông tư số 07/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 quy định thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển đổi số tại Việt Nam							